

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1019**/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **29** tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai
đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 28/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 88/2011/TT- BTC, ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành cơ chế quản lý đầu tư thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Thực hiện Thông báo kết luận số 1129/TB-TU ngày 26/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 25/6/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 466/TTr-SNN ngày 22/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, với các nội dung chính sau:

I. TÊN ĐỀ ÁN: Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh ngành chè của tỉnh theo hướng khai thác tiềm năng, thế mạnh, nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

2. Đến năm 2020 diện tích chè tập trung toàn tỉnh đạt trên 4.315 ha, tăng 1.000 ha so với năm 2014, trong đó có trên 3.745 ha chè kinh doanh.

3. Năng suất bình quân đạt 9 tấn/ha (chè kinh doanh); tổng sản lượng chè búp tươi đạt 33.800 tấn, tăng 64% so với năm 2014.

III. NHIỆM VỤ

1. Thâm canh

Khuyến khích nông dân đầu tư thâm canh diện tích chè kinh doanh bằng các biện pháp:

- Áp dụng qui trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

- Cải tạo diện tích chè hoang hóa, chè già cỗi còn đảm bảo mật độ bằng các biện pháp như: Đốn tạo tán, đốn đầu, đốn trẻ lại, làm sạch cỏ dại, đầu tư phân bón để tái tạo năng suất.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp chế biến chè thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Mở rộng diện tích trồng mới; trồng tái canh

a) Trồng mới 1.000 ha chè tập trung, trong đó:

- Huyện Than Uyên: 200 ha tại xã Phúc Than.

- Huyện Tân Uyên: 480 ha (Xã: Phúc Khoa 80 ha, Mường Khoa 30 ha, Pắc Ta 280 ha, Thân Thuộc 60 ha; Thị trấn 30 ha).

- Huyện Tam Đường: 300 ha (Xã: Bản Bo 200 ha, Sơn Bình 50 ha, Nà Tâm 50).

- Thành phố Lai Châu: 20 ha tại xã Nậm Lông.

b) Trồng tái canh 140 ha (Huyện Tân Uyên 120 ha, huyện Tam Đường 20 ha) đối với các diện tích nằm trong vùng chè tập trung nhưng già cỗi, hoang hóa, mất khoảng trên 40% diện tích.

c) Tiến độ trồng mới và trồng tái canh.

ĐVT: ha

S T T	Huyện, TP	Tổng	Tiến độ thực hiện											
			2015		2016		2017		2018		2019		2020	
			TM	TTC	TM	TTC	TM	TTC	TM	TTC	TM	TTC	TM	TTC
	Tổng	1.140	150	30	170	30	170	20	170	20	170	20	170	20
1	H. Tam Đường	320	50	10	50	10	50	-	50	-	50	-	50	-
2	H. Tân Uyên	600	40	20	80	20	90	20	90	20	90	20	90	20
3	H. Than Uyên	200	40	-	40	-	30	-	30	-	30	-	30	-
4	TP. Lai Châu	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

3. Đường phục vụ sản xuất

a) Hỗ trợ đầu tư 63 km đường sản xuất trên diện tích chè trồng mới, diện tích chè thâm canh nhưng chưa có đường, trong đó: Huyện Tân Uyên 38 km, Tam Đường 20 km, Than Uyên 5 km.

b) Tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật: Thực hiện theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B.

4. Xây dựng mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới

Xây dựng mô hình thâm canh cao, áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, kết hợp với hệ thống tưới, tạo sản phẩm chè vụ đông; được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, nhằm tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao. Quy mô 50 ha; thực hiện tại xã Bản Bo, huyện Tam Đường.

5. Đổi mới công nghệ, xây dựng và quảng bá thương hiệu chè Lai Châu

a) Đổi mới thiết bị và công nghệ chế biến theo hướng sử dụng công nghệ cao như: Dây chuyền chế biến chè xanh cao cấp, chè Olong, Bao Chung, chè SenCha, máy phân tích màu chè...; sử dụng công nghệ trong bảo quản, đóng gói sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

b) Xây dựng thương hiệu, tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm chè Lai Châu đi đôi với đầu tư phát triển thị trường để thu hút khách hàng. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân xây dựng và phát triển nhãn hiệu hàng hóa sản phẩm, coi đây là cách thâm nhập và củng cố vị thế của chè Lai Châu trên thị trường trong nước và quốc tế.

IV. GIẢI PHÁP

1. Về công tác tuyên truyền

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động Nhân dân về chủ trương phát triển chè của tỉnh; tham gia ký hợp đồng với doanh nghiệp trong việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chè búp tươi trong vùng nguyên liệu; tăng cường sự phối hợp giữa

các cơ quan chuyên môn với các tổ chức đoàn thể trong việc vận động tuyên truyền để tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân, giúp Nhân dân nhận thức rõ hiệu quả khi tham gia phát triển chè.

2. Giải pháp về khoa học kỹ thuật

a) Về giống: Chủ động sản xuất giống chè tại chỗ (Tân Uyên, Tam Đường, Tân Uyên) bằng các giống chất lượng cao như: Kim Tuyên, chè Shan... Giống được nhân bằng phương pháp vô tính; đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng, đủ tiêu chuẩn, phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương và đáp ứng nhu cầu trồng mới, trồng tái canh theo kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh.

b) Về biện pháp canh tác: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào trồng, chăm sóc và thâm canh theo hướng chè sạch; tiếp tục mở rộng diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, từng bước xây dựng vùng sản xuất chè hữu cơ đáp ứng nhu cầu thị trường cao cấp; xây dựng mô hình sản xuất chè theo hướng công nghệ cao tại huyện Tam Đường.

c) Đổi mới công nghệ trong chế biến, đặc biệt là công nghệ chế biến chè xanh cao cấp, chè Ô long, chè Sencha... cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm; đẩy mạnh hoạt động Marketing, quảng bá và mở rộng sang thị trường chè cao cấp.

d) Tăng cường công tác khuyến nông và đội ngũ cán bộ kỹ thuật để đào tạo, hướng dẫn cho nông dân đầu tư thâm canh, trồng chăm sóc, thu hái và sản xuất chè theo hướng an toàn, chè sạch.

3. Về đất đai

Thực hiện chuyển đổi đất và thanh lý rừng đối với diện tích khoanh nuôi tái sinh và rừng trồng chất lượng kém; UBND các huyện, thành phố hoàn tất các thủ tục thanh lý và chuyển đổi đất sang trồng chè theo quy định. Hồ sơ thanh lý thực hiện theo phạm vi Đề án; việc thanh lý thực hiện theo kế hoạch trồng mới hàng năm.

4. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân thông qua hợp đồng, hợp tác kinh doanh, gắn cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu

a) Quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, trên cơ sở thực hiện liên kết sản xuất giữa người dân với các tổ chức, doanh nghiệp, HTX chế biến chè thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh, có xác nhận của chính quyền địa phương. Nội dung và cách thức tiến hành thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp & PTNT. UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức việc phân vùng nguyên liệu và chỉ đạo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa tổ chức, doanh nghiệp chế biến, kinh doanh chè với người trồng chè.

b) Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp chế biến, kinh doanh chè

Thực hiện nghiêm túc hợp đồng hợp tác kinh doanh với người dân trồng chè theo quy định, trong đó tập trung một số nội dung:

- Xây dựng phương án sản xuất; ký hợp đồng tiêu thụ chè búp tươi, thu mua chè búp tươi đúng thời gian, địa điểm và thực hiện thanh toán theo cam kết trong hợp đồng; đánh giá đúng tiêu chuẩn, chất lượng và số lượng chè búp tươi; không được tự ý hạ cấp sản phẩm, ép giảm giá mua chè búp tươi, nâng giá vật tư, làm thiệt hại cho người sản xuất.

- Không được tranh mua nguyên liệu chè búp tươi của người dân tại vùng nguyên liệu mà tổ chức, doanh nghiệp khác đã được phân vùng đầu tư hợp tác.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu tổ chức, doanh nghiệp vi phạm một trong những nội dung: không mua chè búp tươi; mua không đúng thời gian, không đúng địa điểm như đã cam kết trong hợp đồng; gian lận thương mại trong việc xác định tiêu chuẩn chất lượng, số lượng chè búp tươi; lợi dụng tính độc quyền của hợp đồng tiêu thụ để mua dưới giá đã ký kết trong hợp đồng hoặc có hành vi khác gây thiệt hại cho người sản xuất thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm mà phải chịu các biện pháp xử lý như sau: Bồi thường toàn bộ thiệt hại vật chất do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật về hợp đồng. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoặc tạm đình chỉ quyền sản xuất, kinh doanh chè và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm hợp đồng của doanh nghiệp.

c) Trách nhiệm của các cá nhân, hộ gia đình

- Hộ gia đình, cá nhân đã được tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ chè búp tươi ứng trước vật tư, vốn (tiền) thì phải bán đủ số lượng chè búp tươi, đúng thời gian và đúng tiêu chuẩn chất lượng quy định trong hợp đồng; không được tự ý bán cho tổ chức, doanh nghiệp khác mua giá cao hơn khi chưa có ý kiến bằng văn bản của tổ chức, doanh nghiệp là đối tác đã ký và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện nếu cá nhân, hộ gia đình nhận tiền vốn, vật tư ứng trước của tổ chức, doanh nghiệp đã ký hợp đồng mà cố ý không bán búp chè tươi hoặc bán cho tổ chức doanh nghiệp không ký hợp đồng; bán thiếu số lượng, không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng quy định trong hợp đồng hoặc có hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi, vi phạm thì phải chịu các hình thức sau: Phải thanh toán lại cho tổ chức, doanh nghiệp các khoản nợ: Vật tư, vốn (bao gồm cả lãi suất vốn vay ngân hàng trong thời gian tạm ứng) đã nhận tạm ứng; phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

d) Nghiên cứu tổ chức thành lập Chi hội chè của tỉnh để làm đầu mối kinh doanh, thông tin thị trường đến người sản xuất; góp phần xây dựng, quảng bá thương hiệu chè Lai Châu và thúc đẩy phát triển ngành chè của tỉnh.

5. Chính sách hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

5.1. Hỗ trợ trồng mới, trồng tái canh

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giá giống chè Kim Tuyên, chè Shan giám cảnh để thực hiện trồng mới và trồng tái canh; giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% giá giống trồng năm thứ nhất, không quá 15% số lượng giống trồng năm thứ nhất để trồng dặm năm thứ 2.

c) Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ: Cá nhân, hộ gia đình đăng ký tham gia trồng mới, trồng tái canh, trong vùng quy hoạch phát triển chè tập trung của tỉnh; có cam kết thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật.

5.2. Hỗ trợ cây trồng xen

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giá giống cây trồng xen trên nương chè (lạc, đậu tương...).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá giống cây trồng xen trong 3 năm đầu (tối đa không quá 2 vụ/năm).

c) Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ: Cá nhân, hộ gia đình có diện tích trồng chè, đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản (3 năm đầu), đăng ký cây trồng xen, cam kết thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật cây trồng xen.

5.3. Hỗ trợ đường phục vụ sản xuất

a) Nội dung hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ làm đường phục vụ sản xuất tại những vùng chè trồng mới, thâm canh tập trung chưa có đường. Định mức trung bình 10 ha chè tập trung (trồng liền vùng, liền khoảnh) được hỗ trợ 01 km đường theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn B (bề rộng đường 4,0m, bề mặt rộng 3,0m, công kiên cố, rãnh đất thoát nước).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/km.

c) Cơ chế hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng:

Nhân dân góp đất, nhà nước hỗ trợ đầu tư, việc quản lý đầu tư Thực hiện theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành cơ chế quản lý đầu tư thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

- Về chủ đầu tư, cấp quyết định đầu tư

+ *Chủ đầu tư*: Ban quản lý xây dựng NTM xã làm chủ đầu tư (công trình có quy mô vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng trở xuống); được áp dụng cơ chế đặc thù không phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật chỉ lập dự toán.

+ *Cấp quyết định đầu tư*: UBND xã quyết định đầu tư các công trình giao cho Ban quản lý xã làm chủ đầu tư. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn giúp xã trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai thực hiện dự án.

- Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đầu tư: Việc lập thẩm định và phê duyệt dự toán đầu tư do UBND xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển bản thực hiện.

- Thẩm định nguồn vốn và phân vốn: Trên cơ sở tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và phân vốn, báo cáo kết quả thẩm định dự toán đầu tư của tổ thẩm định, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định nguồn vốn và phân vốn.

- Lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Ban quản lý xã ký hợp đồng với Ban Phát triển ban (đại diện cho cộng đồng dân cư) để tổ chức thi công công trình. Đối với các hạng mục yêu cầu kỹ thuật cao hơn như: Xây dựng công, rãnh, kênh mương hoặc các hạng mục xây dựng yêu cầu phải có kỹ thuật, Ban Quản lý xã ký hợp đồng với tổ, nhóm thợ có đủ điều kiện để thực hiện.

- Tổ chức nghiệm thu công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Ban Quản lý xã, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng xã, Ban Phát triển bản tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định.

Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, Chủ đầu tư bàn giao công trình và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình theo quy định cho UBND xã, để giao cho bản, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì công trình.

- Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình do Ban quản lý xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5.4. Hỗ trợ mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới

a) Nội dung: Hỗ trợ hệ thống tưới; chi phí phân tích mẫu đất, nước; đào tạo tập huấn; cấp giấy chứng nhận VietGAP.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống tưới, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP.

- Hỗ trợ 1 lần 100% kinh phí về phân tích mẫu đất, mẫu nước, cấp giấy chứng nhận VietGAP, đào tạo tập huấn cho người dân áp dụng VietGAP trong sản xuất.

c) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Cá nhân, hộ gia đình có diện tích chè thuộc phạm vi mô hình, cam kết thực hiện theo đúng quy trình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP. UBND huyện xây dựng Dự án gửi các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Tài chính; Sở Kế hoạch & Đầu tư chủ trì thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

5.5. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu và tham gia hội chợ

a) Hỗ trợ về đổi mới công nghệ

- Nội dung: Hỗ trợ đổi mới dây truyền công nghệ cũ, kém hiệu quả sang công nghệ mới tiên tiến, nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

- Mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND, ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu và tham gia hội chợ

Nội dung, mức hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ: Áp dụng thực hiện theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND, ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh về việc Ban

hành Quy chế hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Thông tư số 88/2011/TT- BTC, ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

5.6. Hỗ trợ đào tạo tập huấn, khuyến nông

Nội dung, mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ: Áp dụng theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành qui định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

5.7. Hỗ trợ chi phí quản lý dự án: 3% tổng chi phí hỗ trợ của nguồn ngân sách tỉnh, để chi cho công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát.

IV. TỔNG NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án: 462.179,9 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 79.213,6 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Sự nghiệp: 47.713,6 triệu đồng

+ Hỗ trợ giống (trồng mới, trồng tái canh, trồng dặm): 34.086 triệu đồng.

+ Hỗ trợ giống cây trồng xen: 4.410 triệu đồng.

+ Hỗ trợ mô hình sản xuất chè có hệ thống tưới: 5.120 triệu đồng.

+ Hỗ trợ đổi mới dây truyền công nghệ, quảng bá sản phẩm: 1.900 triệu đồng.

+ Hỗ trợ đào tạo tập huấn, khuyến nông (2%): 807,9 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý (3%): 1.389,7 triệu đồng.

- Vốn đầu tư: 31.500 triệu đồng

+ Hỗ trợ làm đường sản xuất: 31.500 triệu đồng.

b) Vốn của Nhân dân: 113.301 triệu đồng, bao gồm (công lao động trong thời kỳ KTCB, phân bón).

c) Vốn của doanh nghiệp: 269.665,3 triệu đồng, bao gồm (liên doanh, liên kết với hộ dân trong quá trình đầu tư ứng trước phân bón, thuốc BVTV).

2. Phân kỳ vốn thực hiện Đề án

- Năm 2015: 64.513,8 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 13.312,9 triệu đồng.

- Năm 2016: 73.841,6 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 15.960,5 triệu đồng.

- Năm 2017: 78.912,3 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 15.162,2 triệu đồng.

- Năm 2018: 78.976,1 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 11.950,8 triệu đồng.

- Năm 2019: 81.193,5 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 11.182 triệu đồng.

- Năm 2020: 84.742,5 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 11.645,2 triệu đồng.

(Có Đề án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ vào Đề án được phê duyệt, chủ động triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; chỉ đạo Phòng Nông nghiệp, Phòng Kinh tế hàng năm tổ chức cho Nhân dân đăng ký diện tích chè trồng mới, trồng tái canh, diện tích cây trồng xen, xây dựng kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh giao cùng chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm.

- Ký hợp đồng mua cây giống với đơn vị sản xuất trong tỉnh có đủ năng lực đáp ứng được các yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng, số lượng và thời vụ; UBND huyện, thành phố, phải chịu trách nhiệm hoàn toàn chất lượng giống trồng trên địa bàn huyện, thành phố.

- Tập trung chỉ đạo điểm một số mô hình thâm canh, trồng mới, trồng tái canh chè để Nhân dân học tập, làm theo và nhân rộng.

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND các xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ của nhà nước, vận động Nhân dân tham gia thực hiện đề án. Giao chỉ tiêu, kế hoạch phát triển chè hàng năm cho các xã (phường, thị trấn) trong vùng dự án, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án kịp thời, đúng qui định.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện hợp đồng, liên doanh, liên kết giữa các tổ chức, doanh nghiệp với nông dân.

Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án về Sở Nông nghiệp & PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổng hợp, xây dựng kế hoạch phát triển chè hàng năm gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh giao cùng chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm.

- Hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật: Từ khâu chuẩn bị giống, làm đất, bón phân, trồng, chăm sóc, thu hái chè tới bà con nông dân; hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chè thực hiện các mô hình VietGap.

- Ban hành hướng dẫn Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè búp tươi trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu tham mưu thành lập Chi hội chè của tỉnh.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở kiểm tra việc sử dụng giống thực hiện Đề án theo quy định; chứng nhận các vườn giống đủ tiêu chuẩn để nhân giống phục vụ cho trồng mới, trồng tái canh trên địa bàn tỉnh; định kỳ kiểm tra các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chế biến và sản phẩm chè; chủ động nắm tình hình và có giải pháp hướng dẫn chỉ đạo phòng ngừa hiệu quả sâu bệnh phát sinh trên cây chè.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ phát triển chè hàng năm và đề xuất của Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tổng hợp nội dung, nhiệm vụ phát triển chè trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho các huyện, thành phố cùng với chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng phát triển đường sản xuất vùng chè tập trung theo quy định.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập BCKTKT/dự toán đầu tư đường phục vụ sản xuất vùng chè tập trung. Kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện đầu tư theo chức năng nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra các điều kiện trước khi cấp phép đầu tư cho các HTX, doanh nghiệp đăng ký kinh doanh chè.

4. Sở Tài chính

- Hàng năm chủ trì phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp & PTNT xác định nhu cầu kinh phí phù hợp với nguồn lực trên địa bàn (bao gồm cả nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn Trung ương bổ sung để thực hiện các chương trình trên địa bàn) tổng hợp nhu cầu kinh phí, đề xuất khả năng lồng ghép các nguồn vốn, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố về trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, thanh quyết toán nguồn vốn thực hiện Đề án.

5. Sở Công thương

Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm thị trường; phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh chè trên thị trường; kiểm soát nhãn hàng hóa, phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa giả, kém chất lượng.

6. Sở Khoa học công nghệ

- Hàng năm xây dựng kế hoạch các danh mục được hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, chế biến chè theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND, ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành quy chế hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu của UBND tỉnh.

- Ưu tiên kinh phí để xây dựng các mô hình ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tiên bộ trong chọn tạo các giống, quy trình chăm sóc, chế biến sản phẩm chè để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách có liên quan về đất đai (quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các HTX, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chè); hướng dẫn, kiểm tra việc xử lý nguồn chất thải của các nhà máy chế biến chè.

8. Ngân hàng Nhà nước

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn ưu tiên dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi nhất định đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân trồng, sản xuất, kinh doanh chè.

9. Các doanh nghiệp

Tăng cường liên doanh, liên kết với các hộ dân trồng chè thông qua hợp đồng bao tiêu sản phẩm; đổi mới dây chuyền công nghệ chế biến theo hướng sử dụng công nghệ cao, nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; chú trọng đầu tư xây dựng thương hiệu chè, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong nước và trên thế giới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Khoa học & công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Tam Đường, Tân Uyên, Thuận Yên và UBND thành phố Lai Châu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

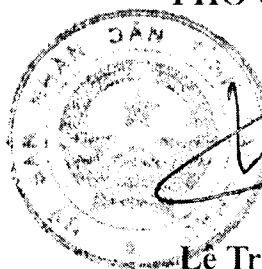
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Quảng